

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ  
tỉnh Bình Thuận đến năm 2030**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;*

*Căn cứ Kế hoạch số 4905/KH-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ tỉnh Bình Thuận đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 194/TTr-SKH-CN ngày 24 tháng 02 năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ tỉnh Bình Thuận đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chương trình) với những nội dung sau đây:**

**I. MỤC TIÊU**

1. Mục tiêu chung: Đưa sở hữu trí tuệ trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Bình Thuận, tạo môi trường khuyến khích đổi mới sáng tạo và thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

## 2. Mục tiêu cụ thể:

### a) Đến năm 2025

- Bố trí cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm thực hiện công tác quản lý về quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả và quyền đối với giống cây trồng tại Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- 100% các trường đại học, cao đẳng, tổ chức nghiên cứu trong tỉnh được tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hỗ trợ bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho các kết quả nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo.

- Tối thiểu 50% sản phẩm được công nhận là sản phẩm quốc gia, sản phẩm, dịch vụ lợi thế, chủ lực của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ.

### b) Đến năm 2030

- Số lượng đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 5%/năm.

- Số lượng đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp tăng trung bình 5%/năm.

- Số lượng đơn đăng ký nhãn hiệu tăng trung bình 7%/năm.

- Số lượng đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng tăng trung bình 5%/năm.

- Số lượng đơn đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả tăng trung bình 5%/năm.

- Tối thiểu 70% sản phẩm được công nhận là sản phẩm quốc gia, sản phẩm, dịch vụ lợi thế, chủ lực của tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ.

## II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Hình thành, tạo dựng văn hóa sở hữu trí tuệ trong xã hội

a) Tổ chức hội thảo, hội nghị, tọa đàm, cuộc thi, triển lãm, sự kiện truyền thông về sở hữu trí tuệ và văn hóa sở hữu trí tuệ trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và xây dựng ý thức, trách nhiệm tôn trọng và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Khuyến khích thực hiện theo phương thức truyền thông lan tỏa và truyền thông trong môi trường số.

b) Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia các chương trình tập huấn, đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu về sở hữu trí tuệ phù hợp với từng nhóm đối tượng.

c) Hỗ trợ khai thác cơ sở dữ liệu về thông tin sở hữu trí tuệ, trang tin điện tử, phần mềm, chương trình ứng dụng trên thiết bị điện tử, thiết bị di động để cung cấp thông tin, hỗ trợ, tư vấn các vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ.

d) Vinh danh, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ.

2. Thúc đẩy các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ

Đẩy mạnh việc hướng dẫn, hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân, ưu tiên hỗ trợ cho các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm tạo ra các tài sản trí tuệ được bảo hộ và có tính ứng dụng cao.

3. Hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ở trong và ngoài nước

a) Hỗ trợ đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, giống cây trồng mới cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, ưu tiên các đối tượng là kết quả nghiên cứu khoa học, sản phẩm, dịch vụ chủ lực, lợi thế của địa phương.

b) Hỗ trợ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm quốc gia, sản phẩm, dịch vụ lợi thế, chủ lực của địa phương và các sản phẩm gắn với Chương trình OCOP.

4. Hỗ trợ quản lý, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ

a) Triển khai hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm thuộc Chương trình OCOP gắn với đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ.

b) Triển khai quy định về quản lý và sử dụng biểu tượng chỉ dẫn địa lý quốc gia, hỗ trợ sử dụng biểu tượng chỉ dẫn địa lý quốc gia ở trong và ngoài nước.

c) Hỗ trợ phát triển, khai thác hiệu quả chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm được bảo hộ theo chuỗi giá trị. Giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại khác nhằm khai thác, phát triển giá trị các tài sản trí tuệ.

d) Hỗ trợ khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích của Việt Nam được bảo hộ, sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ hoặc hết thời hạn bảo hộ tại Việt Nam.

đ) Hỗ trợ quản trị tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp và tổ chức khoa học và công nghệ; phối hợp với các đơn vị có chức năng hỗ trợ tư vấn định giá, kiểm toán tài sản trí tuệ, tập trung vào các đối tượng là sáng chế, tên thương mại, nhãn hiệu của doanh nghiệp.

5. Thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

a) Hỗ trợ triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

b) Tổ chức trưng bày, triển lãm sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cùng với sản phẩm xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ nhằm giúp người tiêu dùng phân biệt được sản phẩm được bảo hộ với sản phẩm xâm phạm quyền.

6. Hỗ trợ phát triển, nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền sở hữu trí tuệ

a) Hỗ trợ thành lập các tổ chức dịch vụ tư vấn sở hữu trí tuệ, chú trọng phát triển các trung tâm tư vấn về sở hữu trí tuệ trong các trung tâm nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng.

b) Hỗ trợ phát triển mạng lưới trung tâm chuyên giao công nghệ và tài sản trí tuệ.

c) Hỗ trợ nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các tổ chức, tập thể là chủ sở hữu, chủ thể quản lý chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và các tổ chức quản lý, đại diện quyền tác giả, quyền liên quan.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

1. Kinh phí thực hiện Chương trình gồm: Kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ, kinh phí sự nghiệp của các ngành, địa phương; đóng góp của doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác.

2. Các sở, ban, ngành, địa phương: Lập dự toán ngân sách hàng năm và quản lý kinh phí thực hiện các hoạt động chung, nhiệm vụ thường xuyên thuộc Chương trình và các nhiệm vụ thực hiện nội dung Chương trình theo quy định hiện hành của pháp luật về ngân sách Nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

#### **Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức thực hiện Chương trình**

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, điều hành, quản lý và tổ chức triển khai hoạt động chung của Chương trình, làm đầu mối triển khai Chương trình.

b) Hướng dẫn, hỗ trợ các sở, ban, ngành, địa phương liên quan xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Chương trình.

c) Tổ chức quản lý và thực hiện các nội dung Chương trình (trừ các hoạt động chung, nhiệm vụ thường xuyên) theo quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ (đề tài, dự án, đề án) cấp tỉnh.

d) Tổ chức các hoạt động tôn vinh, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ.

đ) Định kỳ hàng năm (trước ngày 15/12) báo cáo kết quả thực hiện Chương trình cho Ủy ban nhân dân tỉnh, tổ chức sơ kết Chương trình vào năm 2025 và tổng kết Chương trình vào năm 2030.

e) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương liên quan tiến hành kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

## 2. Sở Tài chính

a) Căn cứ vào nội dung của Chương trình, nhu cầu của các sở, ban, ngành, địa phương và đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định dự toán kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và khả năng cân đối của ngân sách Nhà nước hàng năm.

b) Định kỳ hàng năm (trước ngày 10/12) báo cáo kết quả thực hiện Chương trình cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Khoa học và Công nghệ.

## 3. Các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch 5 năm, hàng năm thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình, lồng ghép với các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp liên quan đến sở hữu trí tuệ thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Định kỳ hàng năm (trước ngày 10/12) báo cáo kết quả thực hiện Chương trình cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Khoa học và Công nghệ.

## 4. Các sở, ban, ngành, các trường đại học, cao đẳng trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình.

b) Định kỳ hàng năm (trước ngày 10/12) báo cáo kết quả thực hiện Chương trình cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Khoa học và Công nghệ.

## 5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện và phân khai kinh phí để triển khai Chương trình của địa phương, lồng ghép việc thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác thuộc trách nhiệm quản lý của địa phương.

b) Định kỳ hàng năm (trước ngày 10/12) báo cáo kết quả thực hiện Chương trình cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Khoa học và Công nghệ.

6. Văn phòng Đại diện phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại tỉnh Bình Thuận, Liên minh Hợp tác xã và các hiệp hội doanh nghiệp của tỉnh

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến kiến thức, tập huấn, đào tạo về sở hữu trí tuệ cho doanh nghiệp, hướng dẫn công tác bảo hộ, quản lý, khai thác, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản trị tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp.

b) Hướng dẫn, giới thiệu doanh nghiệp, thành viên, hội viên tham gia các hoạt động của Chương trình; tham gia xét chọn khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động sở hữu trí tuệ.

c) Định kỳ hàng năm (trước ngày 10/12) báo cáo kết quả thực hiện Chương trình cho Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Sở Khoa học và Công nghệ.

7. Khuyến khích các doanh nghiệp chủ động đặt hàng, liên kết, hợp tác với các viện nghiên cứu, trường đại học để khai thác, phát triển tài sản trí tuệ, rút ngắn quá trình ứng dụng kết quả nghiên cứu và sản xuất, kinh doanh.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Sở hữu trí tuệ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh (Đ/c Hòa);
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Bình Thuận;
- Các phòng, đơn vị thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, KGVXNV, Trang.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Hòa**